

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 58/2017/HS-PT

Ngày: 11 - 8 - 2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH**

-Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Từ Thị Hải Dương

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Xuân Việt và bà Hoàng Thị Loan

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Trần Thị Nam – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Diệu Thúy– Kiểm sát viên

Ngày 11/7/2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 43/2017/HSPT ngày 15/6/2017 đối với bị cáo Phạm Văn Q, do có kháng cáo của bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số: 22/2017/HSST ngày 10/5/2017 của TAND huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình.

Bị cáo có kháng cáo:

Phạm Văn Q, sinh ngày 10/5/1972.

Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở hiện nay: Thôn R, xã V, huyện B, tỉnh Quảng Bình. Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: lớp 3/12. Con ông Phạm Văn O (đã chết) và Hoàng Thị Ch (đã chết); Có vợ là Nguyễn Thị D, sinh năm 1976 và có 02 người con, (cháu lớn sinh năm 1995, cháu nhỏ sinh năm 2002); Tiền án, tiền sự: không;

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

NHẬN THẤY:

Theo Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bố Trạch và bản án hình sự sơ thẩm số: 22/2017/HSST ngày 10/5/2017 của TAND huyện Bố Trạch, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 9 giờ ngày 07/02/2017, Phạm Văn Q đến nhà chị Nguyễn Thị H để lấy lại xe mô tô Wave RSX BKS 73 F1 – 21.911 và giấy đăng ký xe mà Q đã đưa cho chị H để mượn số tiền 5.000.000 đ. Khi đến thấy nhà chị H đang xây, chưa có cửa và không có người ở nhà, Q đi vào nhà thấy xe của mình đang bị khoá bánh trước nên đi tìm chìa khoá. Q tìm ở ngăn chứa đồ dưới tủ bếp thì thấy

một túi ni long màu trắng bên trong có 60.000.000 đồng gồm nhiều mệnh giá buộc bằng dây cao su và 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mang tên Nguyễn Thị D (vợ Q), Q nảy sinh lòng tham nên lấy toàn bộ số tiền cùng giấy đăng ký xe bỏ vào túi áo khoác rồi đi bộ về nhà. Sau đó Q tiêu xài hết 12.900.000 đồng. Khoảng 19 giờ ngày 13/2/2017, Q nhờ anh Nguyễn Văn Th đến nhà chị H trả lại số tiền 47.100.000 đồng và giấy đăng ký xe mang tên Nguyễn Thị D. Đến ngày 15/02/2017, Q trả tiếp 13.000.000 đồng cho chị H.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số: 22/2017/HSST ngày 10/5/2017 của TAND huyện Bồ Trách quyết định:

Tuyên bố bị cáo Phạm Văn Q phạm tội: “Trộm cắp tài sản”;

Áp dụng điểm e, khoản 2 Điều 138; Điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 47 Bộ luật hình sự năm 1999; Điểm x khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự 2015 theo Nghị quyết số 109/2015/QH13 và Nghị Quyết 144/2016/QH13 của Quốc Hội; Khoản 3 Điều 7 Bộ luật hình sự năm 2015: Xử phạt bị cáo Phạm Văn Q 10 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt thi hành hành.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm; Tuyên quyền kháng cáo cho bị cáo.

Trong hạn luật định, ngày 22/5/2017, bị cáo Phạm Văn Q làm đơn kháng cáo bản án sơ thẩm với nội dung: Xin được hưởng án treo.

Tại phiên Toà phúc thẩm, bị cáo giữ nguyên kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ cho bị cáo vì bị cáo nhất thời phạm tội, tài sản đã trả lại đầy đủ cho chủ sở hữu;

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa đề nghị chấp nhận kháng cáo bị cáo Q, giảm cho bị cáo từ 2 – 3 tháng tù.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có tại hồ sơ vụ án và kết quả tranh luận tại phiên tòa; Sau khi nghe ý kiến của Kiểm sát viên, nghe ý kiến của bị cáo;

XÉT THẤY:

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Phạm Văn Q đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình như bản cáo trạng truy tố và bản án cấp sơ phẩm đã tuyên. Lời khai của bị cáo phù hợp với các tài liệu, chứng cứ và các lời khai khác có trong hồ sơ vụ án. Do đó, khẳng định Bản án sơ thẩm số: 22/2017/HSST ngày 10/5/2017 của TAND huyện Bồ Trách đã tuyên bị cáo Phạm Văn Q phạm tội: “Trộm cắp tài sản” là có căn cứ, đúng người, đúng pháp luật.

Xét kháng cáo của bị cáo về việc xin hưởng án treo thấy rằng: bị cáo bị xét xử theo khoản 2 Điều 138, có khung hình phạt từ 2 đến 7 năm. Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo 10 tháng tù là có phần nhẹ so với tính chất hành vi phạm tội của bị cáo. Vì vậy, đề nghị của Đại diện viện kiểm sát tại phiên tòa giảm cho bị cáo từ 2 đến 3 tháng tù và kháng cáo xin hưởng án treo của bị cáo không có cơ sở để chấp nhận.

Theo Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội thì kể từ ngày Nghị quyết 41 có hiệu lực (ngày 5/7/2017), các Nghị quyết số 109/2015/QH13 và Nghị Quyết 144/2016/QH13 hết hiệu lực. Vì vậy, cần bỏ phần áp dụng các nghị quyết nói trên trong quyết định của bản án.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bị cáo Phạm Văn Q kháng cáo không được chấp nhận nên phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 248 Bộ luật tố tụng hình sự;

QUYẾT ĐỊNH:

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Phạm Văn Q; Giữ nguyên bản án sơ thẩm về hình phạt đối với bị cáo Phạm Văn Q.

Áp dụng điểm e, khoản 2 Điều 138; Điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 47 Bộ luật hình sự năm 1999, Xử phạt bị cáo Phạm Văn Q 10 tháng tù về tội: “Trộm cắp tài sản”, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt thi hành hành án.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Về án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo Phạm Văn Q phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm để sung công quỹ Nhà nước.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án phúc thẩm

Nơi nhận:

- Theo Đ254BLTTHS;
- PV27- CAQB;
- Lưu AV, HSVA.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Từ Thị Hải Dương

